

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 12/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN G**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Tấn Lộc

Ông Huỳnh Khắc Chung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Lan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhớ-Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc Đ (tên gọi khác: S), sinh năm 1979, tại xã H, huyện C, tỉnh T. Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1955 và bà Lê Thị H, sinh năm 1959; bị cáo có vợ Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1981 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: Không, tiền sự: 01 lần, ngày 29/12/2014 bị Công an huyện Cai Lay xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản đến nay chưa chấp hành; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2017, chuyển tạm giam từ ngày 01/11/2017 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lê Văn X, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh T.

2. Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện V, tỉnh L.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ, ngày 19/10/2017 Phạm Ngọc Đ (tên gọi khác: S), đi bộ đến nhà anh Lê Văn X cùng Ấp H, xã H, huyện C để trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát thấy nhà anh X đã ngủ, cổng rào không khóa, Đ đẩy cửa cổng vào bên trong đi vào nhà bếp, Đ thấy xe mô tô biển số 63P1-077.05, chìa khóa xe cắm sẵn trong ổ khóa, Đ liền lấy cắp xe mô tô dẫn đi ra ngoài đường dal, sau đó khởi động máy chạy đi.

Đến khoảng 10 giờ ngày 21/10/2017, Đ chạy xe mô tô của anh X đến xã K, huyện V, tỉnh L cầm cho anh Nguyễn Hoàng G với giá 7.000.000 đồng. Tiền cầm xe Đ đưa cho chị Nguyễn Thị Bích P 1.600.000 đồng, Đ tiêu xài 900.000 đồng, còn lại số tiền 4.500.000 đồng Đ cất giữ. Đến ngày 23/10/2017 Đ bị bắt giữ cùng với số tiền 4.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: Xe mô tô biển số 63P1-077.05 theo biên bản định giá và kết luận giá số: 56/HĐĐGTS, ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy, xác định xe mô tô biển số 63P1-077.05 có giá trị là 26.100.000 đồng. Ngoài ra khi thu giữ bên trong cốp xe có 02 sổ hộ khẩu gia đình, 02 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Út N, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Văn X, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 63P1-077.05 cùng giấy bảo hiểm xe, bảo hiểm y tế..., Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh X.

Trong quá trình điều tra, chị P đã giao nộp 1.600.000 đồng, bà Lê Thị H mẹ ruột của Đ giao nộp 900.000 đồng và thu giữ 4.500.000 đồng, tổng cộng là 7.000.000 đồng đã trao trả cho anh G xong.

Đối với anh G khi nhận cầm xe và chị P khi nhận tiền không biết là tài sản của Đ phạm tội có được nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 22/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố bị cáo Phạm Ngọc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên xử bị cáo Phạm Ngọc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
 - Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ từ 12 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
3. Về vật chứng: Đã trao trả xong cho bị hại.
4. Về Trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 19/10/2017, tại Ấp H, xã H, huyện C, bị cáo Đ đã trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xám ghi, biển số 63P1-077.05 của anh Lê Văn X trị giá tài sản chiếm đoạt là 26.100.000 đồng như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng, không có oan sai. Nay bị cáo nhận thức hành vi trên của mình là có tội, rất ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận trên của bị cáo Đ phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời trình bày của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, phù hợp với vật chứng là xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xám ghi, biển số 63P1-077.05 do cơ quan Cơ quan điều tra hỏi trả lại cho người bị hại và các lời khai trước đây của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các tài liệu, chứng cứ đã nêu trên Tòa án có đầy đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Ngọc Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xám ghi, biển số 63P1-077.05 của anh Lê Văn X trị giá 26.100.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt qui định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được luật pháp nhà nước ta bảo vệ, cụ thể trong vụ án này là tài sản của anh X bị xâm phạm, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và sức khỏe, nhưng vì tham lam, tư lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân và tặng cho người khác bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của gia đình anh X, lợi dụng đêm tối lén vào nhà lấy trộm tài sản, gây tư tưởng hoang mang lo lắng trong nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Về nhân thân, vào năm 2014 bị cáo bị Công an huyện Cai Lậy xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản đến nay chưa chấp hành. Do vậy, nghĩ nên áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối bị cáo nhằm giáo dục răn đe và phòng chống tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thật thà khai báo, thấy được tội lỗi của mình, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo có Đ con còn nhỏ, sống ly thân với vợ, tài sản bị thiệt hại Cơ quan điều tra cũng đã thu hỏi trả lại cho bị hại và bị cáo có tác động gia đình khắc phục hậu quả, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị Bích P có hành vi nhận tiền và anh Nguyễn Hoàng G khi nhận cầm xe không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có được, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị P và anh G là có cơ sở.

[6] Về vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, màu xám ghi, biển số 63P1-077.05 của anh Lê Văn X trị giá là 26.100.000 đồng đã giao trả xong cho chủ sở hữu.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh X đã nhận được đầy đủ tài sản không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Đ (tên gọi khác S) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ **01 (Một)** năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày 23/10/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền G;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sâm

